TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15/4/2021
"V/v ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Đức Quảng

2. Ông Nguyễn Phước Khánh

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1995.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Hồng Q**, sinh năm 1986.

Đều ĐKHKTT: Khu Đ V, xã Đ Q, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/11/2020, bản tự khai ngày 23/11/2020 và các biên bản làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014 chị H xây dựng gia đình với anh Nguyễn Hồng Q, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ Q, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình bố mẹ đẻ anh Q tại xã Đ Q, sau đó một thời gian thì anh Q đi xuất khẩu lao động, đến năm 2016 anh Q về nhà không đi xuất khẩu lao động nữa. Đầu năm 2017 chị H sinh con đầu lòng, chị không đi làm, không lao động được gì mà chỉ ở nhà trông con, chờ vào thu nhập của chồng, vì vậy kinh tế gia đình khó khăn, cũng thời gian này vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, bản thân anh Q có nghi ngờ tình cảm với chị H, anh tìm mọi lý do để đe dọa, xúc phạm và đuổi chị ra khỏi nhà, nhiều lúc nóng giận anh Q còn đánh chị, bắt chị ngủ dưới đất, chị và gia đình hai bên nội ngoại có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Q không có thay đổi, sửa chữa gì, vợ chồng thường xuyên xẩy ra cãi nhau. Vì không chịu đựng được cuộc sống nên chị H về nhà bố mẹ đẻ để ở từ đầu năm 2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó, mỗi người một nơi không ai còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Anh Q và con cũng đi vào tỉnh LĐ ở cùng với mẹ đẻ trong đó không về chung sống với chị H nữa. Nay chị H nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm với anh Q không còn nên xin ly hôn để giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Mộc T, sinh ngày 29/4/2017, hiện cháu đang ở với anh Q và mẹ đẻ anh tại tỉnh L Đ từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Nếu ly hôn chị H đồng ý để anh Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi cháu thành niên, sau này chị có điều kiện sẽ đón cháu về chăm sóc, dạy dỗ sau.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị H trình bày vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì.

Phía bị đơn, anh Nguyễn Hồng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại địa phương về việc đăng ký hộ khẩu thường trú, tình trạng hôn nhân giữa chị H với anh Q, lấy lời khai của bố đẻ anh Q. Theo kết quả xác minh ngày 07/01/2021 tại Ban công an xã Địch Quả xác định anh Q có hộ khẩu thường trú tại khu Đ V, xã Đ Q, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2021 của ông N H Q là bố đẻ anh Q xác định: Năm 2014 anh Q và chị H có tìm hiểu tự nguyện, xây dựng gia đình với nhau, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ Q, huyện Th S, Phú Thọ. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình ông, do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng anh chị đã bàn với

nhau để anh Q đi xuất khẩu lao động, đến năm 2016 thì anh Q về nước không đi xuất khẩu lao động nữa, cũng thời điểm này cuộc sống chung giữa anh Q và chị H phát sinh mâu thuẫn, lý do là vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không tin tưởng nhau, có nghi ngờ tình cảm, mặt khác nguyên nhân sâu xa do kinh tế gia đình chi phối. Khi mâu thuẫn vợ chồng xẩy ra ông và gia đình hai bên nội ngoại có khuyên bảo, răn đe nhiều lần nhưng vợ chồng không có cải thiện được tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chính vì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên từ đầu năm 2020 anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, chị H thì dọn về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh Q cùng con vào tỉnh L Đ ở cùng với mẹ đẻ để làm ăn. Theo ông Q vợ chồng anh Q và chị H hôn nhân không có hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Ông Q xác định anh Q và chị H có với nhau một người con chung là cháu Nguyễn Mộc T, sinh ngày 29/4/2017, hiện cháu đang ở với anh Q. Quan điểm gia đình đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Q được nuôi dưỡng vì từ khi chị H và anh Q sống ly thân cháu ở với anh Q đã quen, được anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Ông Q trình bày vợ chồng anh Q và chị H còn trẻ, sau kết hôn chủ yếu ở chung với gia đình ông nên chưa tạo lập được tài sản chung gì, còn nợ nần có hay không thì ông không biết. Hiện nay anh Q đi làm ăn ở tỉnh L Đ ở cùng với mẹ, ông Q cũng không biết địa chỉ cụ thể. Anh Q cùng con và vợ ông vẫn thỉnh thoảng về nhà, gia đình có công to việc lớn thì đều về chơi mấy ngày rồi lại đi. Gia đình có nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án, ông Q trực tiếp gọi điện cho anh Q nói chuyện về việc chị H xin ly hôn, khi anh về nhà chơi ông cũng nói chuyện lại, đưa các giấy tờ của Tòa án mà ông nhận hộ cho anh, còn việc anh Q có đến Tòa án làm việc hay không thì ông không biết. Có lần anh Q nói lại với ông về việc đồng ý ly hôn chị H, con cái đang ở với anh thì cứ để anh nuôi dưỡng, tuy nhiên do điều kiện anh đi làm ăn xa, bận công việc nên không về Tòa án để giải quyết ly hôn với chị H được.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 08/3/2021. Bị đơn chưa

chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ H, xử cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Hồng Q. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mộc T, sinh ngày 29/4/2017 cho anh Q được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu T thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Q tự nguyện không yêu cầu. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 09/11/2020 chị Nguyễn Thị Mỹ H nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Hồng Q, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình được Tòa án nhân dân huyện Th S, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 08/3/2021, bị đơn anh Nguyễn Hồng Q được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh Q là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014 chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Hồng Q xây dựng gia đình với nhau, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ Q, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình bố mẹ anh Q tại xã Đ Q. Đến khoảng đầu năm 2017 vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế gia đình chi phối, vợ chồng không tin tưởng nhau và có nghi ngờ tình cảm, từ đó lời qua tiếng lại dẫn đến cãi nhau, xúc phạm nhau, nhiều khi nóng giận anh Q không kiềm chế được bản thân có đánh chị H, vợ chồng

chính thức sống ly thân từ khoảng đầu năm 2020 đến nay mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến nhau. Căn cứ vào lời khai của bố đẻ anh Q là ông Nguyễn Hồng Q và qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại khu hành chính nơi anh chị cư trú thấy phù hợp với lời trình bày của chị H. Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định chị H và anh Q đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài, giữa hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương khuyên giải nhưng không có kết quả. Do vậy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Q cố tình trốn tránh không đến Tòa án làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm gì có thể thấy anh Q không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc chị H xin ly hôn với anh Q là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Mộc T, sinh ngày 29/4/2017, hiện cháu đang ở với anh Q. Khi ly hôn quan điểm chị H đồng ý để anh Q được nuôi con chung đến khi cháu thành niên. Anh Q không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về con chung. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay cháu T đang ở với anh Q từ khi vợ chồng sống ly thân đầu năm 2020 đến nay được anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi anh Q về nhà chơi cũng có nói với ông Q là bố đẻ về nguyện vọng xin nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung, có điều kiện ăn học tốt nhất tránh được sự sáo trộn về tâm lý cũng như ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại của cháu. Do vậy cần giao con chung là cháu Nguyễn Mộc T cho anh Nguyễn Hồng Q được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu T thành niên là phù hợp với thực tế, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh Q tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị H xác định không có, ly hôn chị không có đề nghị gì. Anh Q không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị N T M H phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ H đối với anh Nguyễn Hồng Q. Xử cho chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn anh Nguyễn Hồng Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mộc T, sinh ngày 29/4/2017 cho anh Nguyễn Hồng Q được trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi cháu thành niên. Chị Nguyễn Thị Mỹ H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Q tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Mỹ H không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2020/0003324 ngày 09/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Th S, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKS huyện;*
- *Chi cục THADS huyện.*
- *UBND xã Địch Qủa,, huyện Thanh Sơn;*
- *Lưu HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Cẩm Vân